

Đối chiếu câu bị động Tiếng Anh và Tiếng Việt.

Câu bị động là một đề tài được nhiều nhà ngôn ngữ học nghiên cứu và hiện đang được quan tâm trong bài nghiên cứu này chúng tôi chỉ trình bày một số khía cạnh xoay quanh dạng câu bị động trong tiếng Việt đồng thời so sánh đối chiếu với câu bị động trong tiếng Anh. Hy vọng bài nghiên cứu này sẽ hệ thống hóa kiến thức và cách dung dạng bị động trong tiếng Anh tiếng Việt cho người sử dụng ngôn ngữ, đặc biệt là sinh viên chuyên ngành tiếng Anh.

Trong cùng một văn bản và văn cảnh thực hiện phát ngôn qua đó rút ra một số kết luận về điều kiện sử dụng dạng bị động một cách linh hoạt về cấu trúc ngữ pháp và logic ngữ nghĩa, đồng thời đưa ra một số dạng thức ngôn ngữ đặc biệt được quy về dạng bị động trong tiếng Anh.

I. Xác lập cơ sở đối chiếu:

Nghiên cứu này dựa trên những nét giống nhau và khác nhau trong cách dùng của câu bị động tiếng Anh và tiếng Việt

Điểm giống nhau giữa hai ngôn ngữ đó là cách thức sử dụng: Nhấn mạnh hành động chứ không phải tác nhân gây ra hành động

Tuy nhiên, trong Tiếng Anh người ta ưa chuộng và sử dụng câu bị động hơn. Nó xuất hiện một cách tự nhiên trong tất cả các loại văn phong từ khẩu ngữ đến những bài viết học thuật thuộc văn phong khoa học. Ngược lại, người Việt lại ưa chuộng sử dụng câu chủ động hơn

II. Phạm vi đối chiếu:

Trong bài nghiên cứu này chúng tôi chỉ nghiên cứu các loại câu bị động trong Tiếng Anh và Tiếng Việt nói chung và minh họa bằng cách chỉ ra sự xuất hiện của chúng có trong trích đoạn

III. Phương thức đối chiếu:

Do giới hạn của phạm vi đề tài trong quá trình thực hiện nghiên cứu này chúng tôi chủ yếu sử dụng phương thức đồng nhất khu biệt về mặt hoạt động của câu bị động trong tiếng Anh và tiếng Việt xét về các phương diện phân loại câu bị động và tần số xuất hiện của nó trong tiếng Anh – Việt.

- **Phương pháp nghiên cứu:**

- + Thu thập thông tin, tư liệu

- + Phân tích tổng hợp, so sánh, đối chiếu.

IV. Mô tả, phân loại:

1. Quan niệm về câu bị động trong tiếng Anh và tiếng Việt

Trong tiếng Anh khái niệm thể được coi là một phạm trù ngữ pháp, Tiếng Anh có 2 thể: thể chủ động và bị động. Thể bị động (passive voice) là một khái niệm phạm trù rất phổ biến trong ngữ pháp tiếng Anh, một phạm trù ngữ pháp mà tân ngữ của động từ đứng ở vị trí của chủ ngữ. có thể khẳng định thể bị động là một hiện tượng ngôn ngữ đã được miêu tả khá chi tiết và đầy đủ trong tiếng Anh.

Dạng thức câu bị động trong tiếng Anh

BE + V-PP

Qua đó ta có thể dễ dàng nhận biết đâu là câu bị động và khi chuyển từ thể chủ động sang bị động, tân ngữ của động từ trong câu chủ động trở thành chủ ngữ của câu bị động.

Ví dụ: They dig a hole

Subject Object

→ A hole is digged

Ngược lại, tiếng Việt một ngôn ngữ phân tích tính, lấy ngữ pháp chủ từ và trật tự từ làm phương thức ngữ pháp cơ bản, các từ tiếng Việt không đổi hình thái, kể cả động từ. Do vậy, không thể căn cứ vào dạng thức của động từ hoặc ngữ pháp để xác định dạng thức chủ động hay bị động. Nếu căn cứ hoàn toàn vào cấu trúc ngữ pháp cũng không được bởi trong tiếng Việt nhiều trường hợp cấu trúc của câu chủ động không thể phân biệt được.

2. Một số dạng câu bị động điển hình trong tiếng Việt và trong Tiếng Anh.

(Theo phân loại của Th.s Nguyễn Đình Hùng, *Một số vấn đề về câu bị động trong Tiếng Việt và Tiếng Anh*, Trường CDSP Quảng Bình)

STT	Tiếng Anh	Tiếng Việt
1	Câu bị động chuyển đổi theo các thì tương ứng.VD: <i>My car is repaired by him / The result was informed</i>	<p>- Câu bị động có chứa "bị/ được" có sự xuất hiện của chủ thể hành động và đối thể hành động.</p> <p>a. câu bị động chứa bị được như một động từ độc lập, sau nó không xuất hiện một động từ nào khác. VD: "<i>Con được điểm 10</i>".</p> <p>b. câu bị động có chứa "bị/được" đứng trước một động từ, trở thành yếu tố bổ sung ý nghĩa thụ động cho động từ đó. VD: "<i>Cô diễn viên bị dư luận phản đối</i>"</p>
2	- Cấu trúc bị động với chủ từ ảo cho một mệnh đề(To be said that/ It is believed that)VD: <i>It is said that he beats his wife</i>	<p>- Câu bị động có chứa "bị/được" nhưng không có sự xuất hiện của tân ngữ. VD: "Ngôi chùa được xây cách đây mấy trăm năm"</p>
3	- Dạng bị động với động từ có 2 tân ngữ.Việc chọn giữa 2 cấu trúc bị động phụ thuộc vào việc ta muốn nhấn mạnh thông tin nào.VD: <i>I was given a gift in Christmas / A gift was given to me in Christmas</i>	<p>- Câu bị động không có sự xuất hiện của "bị/được". Tuy nhiên có thể thêm "bị/ được" vào câu này. VD: Nghiên cứu dựa trên cơ sở Nghiên cứu được dựa trên cơ sở.</p>
4	- Dạng bị động được theo sau bởi động từ nguyên mẫu.VD: <i>She is allowed to visit her son twice</i>	-Câu bị động không diễn tả ý nghĩa của hoạt động mà diễn tả ý nghĩa trạng thái tồn tại. VD: "Tôi bị mất tiền".
5	- Câu bị động với tân ngữ là bổ ngữ.VD: <i>She was called stupid</i>	
6	- Câu bị động với động từ nguyên	

	mẫu bị động. Dạng câu này thường được dùng cùng với các từ đặc biệt và động từ khiếm khuyết.VD: <i>She must be punished.</i>	
7	- Câu bị động với động từ nguyên mẫu quá khứ.VD: <i>It must have been rained.</i>	
8	- Dạng bị động ở thể truyền khiến (Have something done).VD: <i>He has his car washed.</i>	
9	-Dạng bị động nguyên mẫu có "to". VD: <i>There is nothing to be done.</i>	
10	- Dạng bị động với cấu trúc "ing form"VD: <i>Human love being praised</i>	
11	- Dạng "ing- form" với ý nghĩa bị động.VD: <i>The grass need cutting</i>	

3. Một số câu bị động Tiếng Anh và ý nghĩa tương đương trong Tiếng Việt (trích từ “Kĩ thuật dịch Anh-Việt”, Nguyễn Quốc Hùng. MA)

STT	Tiếng Anh	Tiếng Việt
1.	- Câu bị động chuyển đổi theo các thì tương ứng Cấu trúc: Trợ động từ (be) + động từ chính ở dạng quá khứ phân từ. (1)ANZFA's safety guidelines are	- Sử dụng các từ ngữ như <i>bị/được/do</i> ” Cấu trúc: bị/được/do + V (transitive). <i>Bị/ được/ phải/ do</i> đóng vai trò là các từ chỉ dấu hiệu của thể bị động (tương tự như <i>get/be</i> của tiếng Anh).

	<p>based on world's best-practice standards.</p> <p>(4)An initial safety assessment is made by ANZFA experts, with public comment invited.</p> <p>(5) A review of all the finding is undertaken.</p> <p>(6)A full safety assessment is conducted byANZFA experts.</p> <p>(7)Final public comment on the proposed genetically modified food is invited.</p> <p>(8)A recommendation for approval or rejection is made.</p> <p>(3)They have been changed in any way which might make them unsafe.</p>	<p>(2). Sử dụng tiêu chuẩn ANZFA, những thông tin do các công ty cung cấp.</p> <p>(3) Liệu thực phẩm đó có bị biến đổi theo cách có thể tạo ra sự không an toàn không.</p>
2	<p>- Ngoài ra trong đoạn trích còn có dạng bị động ẩn do trong câu có <i>đại từ quan hệ + từ to be</i></p> <p>(2)Using ANZFA guidelines, information (<i>which are</i>) supplied by companies.</p>	<p>- Câu bị động không có sự xuất hiện của "bị/được".Tuy nhiên có thể thêm"bị/được" vào câu này.</p> <p>(1) Tài liệu chỉ dẫn an toàn của ANZFA dựa trên những tiêu chuẩn đã được thực hiện tốt nhất trên toàn thế giới.</p> <p>→ Tài liệu chỉ dẫn an toàn của ANZFA được dựa trên những tiêu chuẩn đã được thực hiện tốt nhất trên toàn thế giới.</p>

V. Evaluation and Implication

❖ *In term of linguistic factors:*

So far, we come to a conclusion about that Vietnamese passive formation is mainly based on the lexical meaning or grammatical status of such word as “*bị/ được/phải*”. However, in some cases, the passive meaning is understood mainly on the semantic meaning of the whole sentence. For example:

(a)Thuyền đẩy ra xa

(b)Cầu đã xây xong

These sentences are grammatically correct. In term of semantic, these sounds illogic because "thuyền/ cầu" is an object and itself can not carry out the action. In understanding these sentences, the reader/ hearer need to be conscious that there are passive meanings

Câu bị động trong tiếng Anh được nhận dạng bằng hình thái ngữ pháp theo đặc điểm của ngôn ngữ tổng hợp tính nhưng khi có nghĩa "bị động" được nhận ra mà không cần đến hình thái ngữ pháp quy định. Yếu tố bị động được hiểu ngầm trong văn cảnh của lời nói hay văn bản.

❖ *In term of beyond language factors*

In both English and Vietnamese, passive voice is used to focus on the fact, the action or result of an action therefore, in passive sentence, the doer is often omitted. Despite being mentioned, it plays a very rigid role.

Passive voice has an important role in English, especially in academic works where the actions taken place without mentioning the doer. Vietnamese, vice versa, prefer active form. Hence, sometimes when translating from English into Vietnamese, if the translator keep the original structure, the Vietnamese version will not very idiomatic. We can take here several examples from the passage

Sentence (8), *a recommendation for approval or rejection is made to the Australian and New Zealand Food Standards Council (consisting of the Health Ministers of Australia and New Zealand)* should not be translated word for word: “*Một khuyến nghị được làm....*” but: “*Người ta khuyến nghị rằng*

ANZFSC đưa ra khuyến nghị hoặc chấp nhận hoặc bác bỏ (có cả ý kiến của Bộ Sức Khỏe Ôxtralia và New Zealand)

Other Suggested translation (4) An initial safety assessment is made by ANZFA experts, with public comment invited.

Should be translated” *Chuyên gia ANZFA đánh giá đầu tiên về độ an toàn, có tham khảo ý kiến của công chúng*”.

(5) A review of all the finding is undertaken.

Should changed into” *Tổng kết tất cả những phát hiện*”

And (6) A full safety assessment is conducted by ANZFA experts

Is translated into” *Chuyên gia ANZFA tiến hành đánh giá một cách đầy đủ về độ an toàn*”

Besides, we realize almost anything can be stated through an active construction but only rather special things are suitable for description through a passive construction; there may be some special significance to the object noun phrase. As it is used with a particular verb and a certain subject. Consider

(Active) "I saw a table in the bar"

(Passive) "A table was seen by me in the bar at the party"

The passive one sounds artificial and unlike to be said. But if the active sentence was "*my mother saw me in the bar*" then the passive "*i was seen (by my mother) in the bar*" is definitely feasible if the passive was used, one might guess the speaker should not be there and may now get into trouble.

In reality, there is still another quite interesting thing of using *bị/được/phải* especially in spoken language in Northern Vietnam.

For example: - Body của chị hơi *bị đĩnh* đấy

- Em của tôi hơi *bị xinh* đấy nha.

- Tôi nấu ăn hơi *bị ngon* đấy.

It can be seen that in these examples **bị/ được** mean nothing relating to passive or suffering. May be, the speaker wants to express his "suspicions" about the girl's body form, the girl's beauty... However, these sentences normally express

negative meaning than positive meaning. The words "**hoi/bị**" makes the sentences' meaning more negative. Also, sometimes "**được**" can be used and followed a verb to express the meaning of a "**good result**" of an action, such as in these sentences.

*Tôi **được** đề cử làm giám đốc"*

(I was nominated to be the manager).

To end with this, we want to state here some remarks on Vietnamese learners' habit of translating sentences with "**bị/được**" into English made by Hoàng Thị Phương Thảo, Trần Thuần (2000). They claimed that at elementary level, **bị/được** is overemphasized in English- Vietnamese translation, the consequence of which is the tendency to treat any sentences containing **bị/được** as passive. The most typical examples are:

- *Xe bị hư = The car was broken down.*
- *Tôi bị mất tiền = I was lost my money.*

They argue that the scope for "**bị/ được**" is much larger than their usage in passive sentences. Therefore, careful notes should be given to beginner of English to avoid misleading way of thinking in the long run. So, they suggest that in sentences like these, teachers may ask pupils to drop **bị/được** and see whether they are still grammatical. If the answer is "yes" the sentence under consideration is not passive and vice versa. At the same time, learners should be noticed that the numbers of verbs that can be used in the structure: *NP object + VP transitive* is quite limited compared with Vietnamese.

In countering such sentences as:

- *Hàng chở tới bằng xe tải*
- *Nhà xây xong rồi.*

A learner should be aware the subject can not carry out the actions and in this case, it is better to play safe by translating them as passive although English does allow a subject of its verb to be used similarly to those of Vietnamese.

These practical applications are very helpful for language learners and such a research is the goal we aimed at.

VI. Conclusion:

Despite this study of passive voice, we can see that language is so sophisticated. Besides similarities, an important way in which Vietnamese passive differs from English one is that Vietnamese verbs don't themselves imply a clear notion of "voice" in the grammatical sense. Whereas, in English a transitive verb must be either active or passive. No such distinction is necessary in Vietnamese. Hence, the object of Vietnamese verbs is not formally marked. The issue which mentioned in this paper may not satisfactory. Hopefully, it can provide some helpful information for language learners in writing and transforming sentence in specific context. Moreover, further research on passive voice should be carried out.

Nguồn ; Sưu tầm